TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/DS-ST
Ngày: 26-11-2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Thế Vinh.

2. Ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình hợp – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-DS ngày 06-9-2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N; địa chỉ: Số H, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Cao Tấn Đức – Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai; địa chỉ: Số H, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K; địa chỉ: Thanh Hà 1, xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N (Ngân hàng) thông qua Chi nhánh huyện G Đông Gia Lai cho ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K vay tiền theo Hợp đồng tín dụng số 3260/2018/HĐTD ngày 26-11-2018, số tiền vay là 400.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc cà phê và mua vật dụng gia đình, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 10%/năm, phân kỳ trả nợ gốc là 01 kỳ vào ngày 26-11-2019. Kỳ hạn trả lãi tiền vay là 03 tháng/lần vào ngày 26 của tháng thứ 3 (có thỏa thuận trả lãi hàng tháng). Khi vay tiền, để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng với ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 181118/HĐTC ngày 23-11-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 225, tờ bản đồ số 48 xã B và thửa số 25, tờ bản đồ số 20 xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G

cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số N798050 ngày 21-12-1998 cho ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K mới trả cho Ngân hàng tiền lãi đến ngày 26-11-2019 với số tiền là 40.000.001 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc theo thỏa thuận nên từ ngày 27-11-2019 Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Do ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26-11-2021 là 517.945.206 đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.945.206 đồng và toàn bộ tiền lãi phát S đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

2. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng họ cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã giao nộp và Tòa án đã thu thập các tài liệu, chứng cứ: Hợp đồng tín dụng số 3260/2018/HĐTD ngày 26-11-2018; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 181118/HĐTC ngày 23-11-2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số N798050 ngày 21-12-1998; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp; Thông báo chuyển nợ quá hạn; Bảng kê tính lãi; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20-02-2017; Quyết định bổ nhiệm lại cán bộ ngày 22-02-2019; Quyết định ủy quyền ngày 27-12-2019; Thông báo về việc ủy quyền hết hiệu lực số 506/NHNo.IGĐGL-KHKD ngày 01-7-2021; Quyết định về việc giao nhiệm vụ đối với cán bộ số 1152/QĐ- NHNo –TCTL ngày 17-6-2021; Quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ ngày 18-12-2019; Quyết định ban hành Điều lệ ngày 23-4-2012; Điều lệ Ngân hàng N; Danh sách mạng lưới chi nhánh Ngân hàng N; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09-8-2021; Biên bản xác minh ngày 23-6-2021.

4. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Hợp đồng giao kết giữa hai bên chủ thể trong đó có một bên chủ thể Ngân hàng là tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh và một bên là bị đơn không có đăng ký kinh doanh nên được xác định là hợp đồng dân sự về tín dụng và pháp luật áp dụng là

Bộ luật Dân sự và Luật Các tổ chức tín dụng; Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình trốn tránh, không có mặt theo giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh được và Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng số 3260/2018/HĐTD ngày 26-11-2018 giữa nguyên đơn với bị đơn được giao kết hợp pháp nên có hiệu lực, các bên trong hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng đã được giao kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N, buộc ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K phải liên đới trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 26-11-2021 là 517.945.206 đồng, trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 117.945.206 đồng và toàn bộ tiền lãi phát S đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng giữa Ngân hàng với ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K có giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 181118/HĐTC ngày 23-11-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 225, tờ bản đồ số 48 xã B và thửa số 25, tờ bản đồ số 20 xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số N798050 ngày 21-12-1998 cho ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K. Qua kết quả xem xét và thẩm định tại chỗ ngày 09-8-2021 thấy rằng, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có tranh chấp. Vì vậy căn cứ vào Điều 299 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 288, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K phải liên đới trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 3260/2018/HĐTD ngày 26-11-2018 tính đến ngày 26-11-2021 là 517.945.206 đồng (năm trăm mười bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm không sáu đồng), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), nợ lãi quá hạn là 117.945.206 đồng (một trăm mười bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm không sáu đồng) và toàn bộ tiền lãi phát S đến thời điểm trả hết số tiền nợ.

3. Trong trường hợp ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K không trả đủ số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 181118/HĐTC ngày 23-11-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 225, tờ bản đồ số 48 xã B và thửa số 25, tờ bản đồ số 20 xã H, huyện G, tỉnh Gia Lai đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số N798050 ngày 21-12-1998 cho ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K phải liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

6. Về án phí: Buộc ông Lê Quý S và bà Nguyễn Thị K phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 24.717.808 đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm mười bảy nghìn tám trăm không tám đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.768.767 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0012112 ngày 17-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính